

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
*kèm theo*  
**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

---

Được kiểm toán bởi:

**CHI-NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT**  
Số 41, Ngõ 62, Trần Bình, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội  
Tel: (84-24) 3763 4618 Fax: (84-24) 3763 4617



## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	<b>02 - 03</b>
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	<b>04 - 05</b>
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	<b>06 - 28</b>
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 28

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Lạng Sơn (sau đây gọi là Công ty) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### Khái quát chung

Công ty Cổ phần Thương mại Lạng Sơn được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4900142205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp, kể từ khi đi vào hoạt động, Công ty đã thay đổi 07 (bảy) lần, lần thay đổi thứ 07 vào ngày 10/08/2016 với vốn điều lệ là 15.000.000.000 VNĐ (Mười lăm tỷ đồng chẵn). Theo đó các thông tin về Công ty như sau:

### Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Trụ sở chính: Số 209 Trần Đăng Ninh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn

### Ngành nghề sản xuất kinh doanh theo đăng ký kinh doanh của Công ty gồm:

Bán buôn tổng hợp; Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); Sản xuất sắt, thép, gang; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Đại lý, môi giới, đấu giá (Chi tiết: Đại lý, môi giới);

Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; bán buôn gạo; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống; Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (không bao gồm bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;

Vận tải hành khách đường bộ khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Điều hành tua du lịch; Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao); Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm, và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm bán lẻ thuốc); Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Xây dựng cơ bản công trình dân dụng, công trình giao thông, đường bộ ...)/.

### Danh sách các chi nhánh thuộc Công ty

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh tại huyện Chi Lăng	Khu Thống nhất 1, Thị trấn Đồng Mô, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
Chi nhánh tại huyện Hữu Lũng	Khu An Ninh, Thị trấn Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
Chi nhánh tại huyện Bình Gia	Khu III, Thị trấn Bình Gia, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
Chi nhánh tại huyện Tràng Định	Khu II, Thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
Chi nhánh tại huyện Đình Lập	Khu I, Thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn
Chi nhánh tại huyện Lộc Bình	Số 142, Phố Bờ Sông, Thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
Chi nhánh tại huyện Bắc Sơn	Tiểu khu Lương Văn Chi, TT Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
Chi nhánh tại huyện Văn Lãng	Khu I, Thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn
Chi nhánh tại Thành phố Lạng Sơn	Số 206, Trần Đăng Ninh, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn
Chi nhánh tại huyện Văn Quan	Phố Đức Tâm II, Thị trấn Văn Quan, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn
Chi nhánh tại Hà Nội	Số 475, Đường Ngọc Lâm, P.Ngọc Lâm, Q.Long Biên, Tp.Hà Nội
CN DL và TM Lạng Sơn	Số 209, Đường Trần Đăng Ninh, Phường Tam Thanh, Tp.Lạng Sơn.

### Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã tham gia điều hành Công ty gồm:

Ông Lý Xuân Thanh	Chủ tịch
Ông Đinh Văn Thành	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 24/04/2019)
Ông Bế Văn Táo	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 24/04/2019)

Ông Lâm Phi Khanh Ủy viên  
Ông Ngô Huy Ủy viên  
Ông Đặng Trung Lập Ủy viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã tham gia điều hành Công ty trong năm tài chính gồm:

Ông Đặng Trung Lập Tổng Giám đốc  
Ông Ngô Huy Phó Tổng Giám đốc

**Kiểm toán viên**

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt (SVA). SVA đề xuất được tiếp tục chỉ định làm kiểm toán viên cho năm tài chính tiếp

**Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2018, cũng như Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các quy định hiện hành của chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán kèm theo. Ngoại trừ các vấn đề được trình bày trong Báo cáo kiểm toán (nếu có), báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

**Thay mặt và đại diện,**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN**



Lạng Sơn, ngày 31 tháng 03 năm 2019



Số: 24-2019/BCKT/LATRACO-SVA

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Thương mại Lạng Sơn được lập ngày 31/03/2019, gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được trình bày từ trang 06 đến trang 28 kèm theo.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở của việc đưa ra ý kiến ngoại trừ**

Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 21/01/2016 giữa Công ty với Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Trường An Lạng Sơn cho thấy, Công ty Trường An Lạng Sơn sẽ phải thanh toán số tiền lãi cố định cho Công ty là 350.000.000 đồng / năm. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này Công ty Cổ phần Sản xuất Trường An - Lạng Sơn, chưa thực hiện theo cam kết tại hợp đồng hợp tác theo thỏa thuận cho Công ty Cổ phần Thương mại Lạng Sơn. Công ty cũng chưa ghi nhận phải thu khoản lãi cố định mà trong hợp đồng quy định. Thời hạn hợp đồng từ ngày 21/01/2016 đến 21/01/2036

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa nhận được biên bản đối chiếu công nợ, theo đó các giá trị và tỷ lệ còn chưa được đối chiếu như sau: Phải thu khách hàng chiếm 14% tương ứng khoảng 15 tỷ đồng; Phải thu khác chiếm 71% tương ứng khoảng 4,3 tỷ đồng; Phải trả người bán chiếm tỷ lệ 29% tương ứng khoảng 6,8 tỷ đồng; Phải trả khác chiếm tỷ lệ 43% tương ứng khoảng 6,321 tỷ đồng; Người mua trả tiền trước 100% tương ứng khoảng 43 triệu đồng; Trả trước cho người bán tỷ lệ 100% tương ứng khoảng 100 triệu đồng. Bằng các tài liệu được cung cấp, chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế khác để xác nhận được tính hiện hữu, tính đầy đủ và giá trị của khoản công nợ nói trên, do đó chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

## **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", trên các khía cạnh trọng yếu Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Lạng Sơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

## **Vấn đề cần lưu ý**

Không nhằm đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ, nhưng chúng tôi xin lưu ý tới người đọc báo cáo tài chính này, như đã nêu tại thuyết minh số V.17 "Lãi phạt phải thu khó đòi" cho thấy tại ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2018 Công ty có khoản thu nhập khác là khoản tính lãi phạt quá hạn thanh toán của Công ty TNHH Lâm Sản WOODMAN số tiền khoảng 2,881 tỷ đồng, trong đó giá trị của khoản nợ phải thu quá hạn đã trích lập dự phòng 50% là 7,812 tỷ đồng, giá trị của khoản nợ phải thu quá hạn là 15,624 tỷ đồng.

## **Thay mặt và đại diện**

**Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt**



**Nguyễn Phương Lan Anh**

**Phó Giám đốc**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số:

0673-2018-107-1

Hà Nội, ngày 24 tháng 05 năm 2019

**Nguyễn Thanh Hoa**

**Kiểm toán viên**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số:

2325-2019-107-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số: B01-DN

Đơn vị tính: VNĐ

STT	TÀI SẢN	MÃ SỐ	GHI CHÚ	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
	1	2	3	4	5
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>130.187.015.561</b>	<b>129.227.437.125</b>
<b>I</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>1.857.983.046</b>	<b>10.494.266.127</b>
1	Tiền	111		1.857.983.046	10.494.266.127
2	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	122		-	-
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>103.592.004.652</b>	<b>92.367.220.849</b>
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	108.188.690.380	84.055.286.363
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	189.266.061	8.393.543.966
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4	Phải thu theo tiến độ KHHĐ xây dựng	134		-	-
5	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	6.198.763.711	3.091.868.720
7	Dự phòng các khoản phải thu NH khó đòi (*)	137	V.5	(10.984.715.500)	(3.173.478.200)
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>24.075.339.795</b>	<b>25.800.258.741</b>
1	Hàng tồn kho	141	V.6	24.075.339.795	25.800.258.741
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>661.688.068</b>	<b>565.691.408</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		45.611.368	7.850.815
3	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.7	616.076.700	557.840.593
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>28.344.587.667</b>	<b>30.387.202.565</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>25.664.714.833</b>	<b>27.348.289.298</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	23.424.807.173	24.867.948.966
	- Nguyên giá	222		34.102.071.664	34.440.988.703
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(10.677.264.491)	(9.573.039.737)
2	Tài sản cố định vô hình	227	V.9	2.239.907.660	2.480.340.332
	- Nguyên giá	228		2.657.948.500	2.657.948.500
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(418.040.840)	(177.608.168)
<b>IV</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.10	<b>154.545.455</b>	-
1	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	241		-	-
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		154.545.455	-
<b>IV</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	<b>773.463.928</b>
1	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2	Đầu tư vào công ty liên kết	252	V.11	-	773.463.928
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4	Dự phòng ĐTTTC dài hạn (*)	254		-	-
5	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>IV</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.525.327.379</b>	<b>2.265.449.339</b>
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	1.725.327.379	1.765.449.339
2	Tài sản dài hạn khác	268	V.13	800.000.000	500.000.000
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>250</b>		<b>158.531.603.228</b>	<b>159.614.639.690</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Tiếp theo)

Mẫu số: B01-DN

Đơn vị tính: VNĐ

STT	NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	GHI CHÚ	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
	1	2	3	4	5
<b>A</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>140.495.341.232</b>	<b>137.654.433.179</b>
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>134.991.948.018</b>	<b>130.858.837.904</b>
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	23.692.608.527	16.171.318.985
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	43.250.000	2.631.815.547
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	510.382.475	818.924.411
4	Phải trả người lao động	314		15.185.319	209.756.279
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	275.728.004	215.551.328
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	634.437.241
7	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	429.818.181	673.921.818
8	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.19	13.135.480.182	7.791.206.599
9	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	96.750.343.353	101.648.692.873
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		139.151.977	63.212.823
12	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
13	Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	324		-	-
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.503.393.214</b>	<b>6.795.595.275</b>
1	Phải trả dài hạn người bán dài hạn	331		-	-
2	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
3	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.21	3.283.393.214	4.175.595.275
4	Phải trả dài hạn khác	337		-	-
5	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22	2.220.000.000	2.620.000.000
<b>B</b>	<b>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>18.036.261.996</b>	<b>21.960.206.511</b>
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.23</b>	<b>18.036.261.996</b>	<b>21.960.206.511</b>
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.000.000.000	15.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.000.000.000	15.000.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3	Vốn khác của chủ sở hữu	414		63.031.500	63.031.500
4	Cổ phiếu ngân quỹ (*)	415		-	-
5	Quỹ đầu tư phát triển	418		4.814.406.927	4.087.754.541
6	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
7	Lợi nhuận chưa phân phối	421		(2.040.982.625)	2.609.614.276
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		893.146.571	902.222.736
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(2.934.129.196)	1.707.391.540
8	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		199.806.194	199.806.194
<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>440</b>		<b>158.531.603.228</b>	<b>159.614.639.690</b>

Giám đốc

Kế toán trưởng



Đặng Trung Lập

Lạng Sơn, ngày 31 tháng 03 năm 2019

Nông Kim Tiến




**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**  
Năm 2018

Mẫu số: B02-DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	GHI CHÚ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	415.803.498.740	370.809.366.867
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.2	102.859.013	168.413.728
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	415.700.639.727	370.640.953.139
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	392.746.964.764	349.364.103.781
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		22.953.674.963	21.276.849.358
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	38.809.551	61.297.756
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	7.673.190.793	6.939.268.927
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.374.598.497	8.503.600.595
8. Chi phí bán hàng	24		10.426.704.277	4.829.050.375
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24		10.071.107.048	9.911.705.242
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.178.517.604)	(341.877.430)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	3.413.268.628	2.498.262.783
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.168.880.220	9.716.742
13. Lợi nhuận khác	40	VI.9	2.244.388.408	2.488.546.041
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.934.129.196)	2.146.668.611
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.10	-	439.277.071
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.934.129.196)	1.707.391.540
18. Lãi cơ bản trên Cổ phiếu	70	VI.11	(1.956)	1.138

Giám đốc

Kế toán trưởng

  
Đặng Trung Lập

  
Nông Kim Tiến

Lạng Sơn, ngày 31 tháng 03 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2018

Mẫu số: B03-DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>(2.934.129.196)</b>	<b>2.146.668.611</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ	02	1.394.443.041	1.385.764.110
- Các khoản dự phòng	03	7.811.237.300	1.609.710.610
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	508.438.988	(61.297.756)
- Chi phí lãi vay	06	7.374.598.497	6.867.741.399
- Các khoản điều chỉnh khác	07		
<b>3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>14.154.588.630</b>	<b>11.948.586.974</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(19.132.017.763)	3.724.335.816
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1.724.918.946	(5.799.723.988)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập DN phải nộp)	11	8.274.506.030	(2.052.271.091)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	40.121.960	(103.753.724)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(6.931.906.889)	(6.586.980.958)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(239.277.071)	(403.994.424)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	105.010.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(4.800.000)	(69.199.046)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(2.113.866.157)</b>	<b>762.009.559</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(362.876.955)	(3.570.301.756)
2. Tiền thu từ TL, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	450.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	38.809.551	61.297.756
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(324.067.404)</b>	<b>(3.508.554.000)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	325.865.304.032	308.396.761.828
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(331.163.653.552)	(296.863.369.569)
3. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(900.000.000)	(900.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(6.198.349.520)</b>	<b>10.633.392.259</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(8.636.283.081)</b>	<b>7.886.847.818</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>10.494.266.127</b>	<b>2.607.076.622</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	341.687
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>1.857.983.046</b>	<b>10.494.266.127</b>

Giám đốc



**Đặng Trung Lập**

Lạng Sơn, ngày 31 tháng 03 năm 2019

Kế toán trưởng

**Nông Kim Tiên**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số: B09-DN**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

**1) Khái quát chung**

Công ty Cổ phần Thương mại Lạng Sơn được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4900142205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp, kể từ khi đi vào hoạt động, Công ty đã thay đổi 07 (bảy) lần, lần thay đổi thứ 07 vào ngày 10/08/2016 với vốn điều lệ là 15.000.000.000 VNĐ (Mười lăm tỷ đồng chẵn). Theo đó các thông tin về Công ty như sau:

**Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN**

Trụ sở chính: Số 209 Trần Đăng Ninh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn

**Ngành nghề sản xuất kinh doanh theo đăng ký kinh doanh của Công ty gồm:**

Bán buôn tổng hợp; Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); Sản xuất sắt, thép, gang; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Đại lý, môi giới, đấu giá (Chi tiết: Đại lý, môi giới);

Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; bán buôn gạo; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống; Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (không bao gồm bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;

Vận tải hành khách đường bộ khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Điều hành tua du lịch; Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao); Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm, và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm bán lẻ thuốc); Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Xây dựng cơ bản công trình dân dụng, công trình giao thông, đường bộ ...)/.

**2) Những điểm quan trọng trong chính sách kế toán**

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chế độ kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung trên máy vi tính

Năm tài chính: Từ ngày 01/01 đến 31/12 năm dương lịch.

**Áp dụng Luật kế toán và các Chuẩn mực kế toán Việt nam**

Trong năm tài chính Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán doanh nghiệp và các chuẩn mực kế toán Việt Nam đã ban hành.

Chúng tôi tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành; phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

*Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:*

## CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn, hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị của các khoản này.

### Hàng tồn kho

*Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:*

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp tính giá hàng xuất kho bình quân gia quyền.

Giá gốc hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên vật liệu thành thành phẩm.

*Những chi phí không được tính và giá gốc hàng tồn kho:*

Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.

Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.

Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.

Chi phí bán hàng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:  $\text{Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ} = \text{Giá trị hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng nhập trong kỳ} - \text{Giá trị hàng xuất trong kỳ}$ .

Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Theo phương pháp Kê khai thường xuyên.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng và được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”

### Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, nếu:

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc lớn hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đúng hạn hoặc không có khả năng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính và được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”

### Tài sản cố định và khấu hao

*Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình*

Tài sản cố định của Công ty được ghi chép ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi chép theo 03 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào vị trí sẵn sàng sử dụng.

*Phương pháp khấu hao TSCĐ*

Tài sản cố định được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

### Loại tài sản

Nhà cửa, vật kiến trúc

05 - 50 năm

## CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
Phương tiện vận tải	03 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	06 - 15 năm

### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí về đầu tư xây dựng cơ bản (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư xây dựng cơ bản sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

### Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn, cho vay có thời hạn thu hồi dưới 01 năm được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày gửi hoặc cho vay.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn: Bao gồm các khoản đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc bắt đầu kể từ ngày phát sinh khoản đầu tư.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn: Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính.

### Giá tham chiếu đối với các loại chứng khoán:

#### Đối với chứng khoán niêm yết:

Giá chứng khoán niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

Giá chứng khoán niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết:

Giá chứng khoán thực tế đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Giá chứng khoán thực tế chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp bởi tối thiểu ba (03) Công ty chứng khoán tại ngày lập dự phòng.

Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đối với những chứng khoán niêm yết bị huỷ giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ 6 trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

### Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chính sách kế toán áp dụng cho chi phí đi vay Công ty thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán số 16 về Chi phí đi vay, cụ thể:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

### Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN**

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

### **Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Đối với những TSCĐ đặc thù, việc sửa chữa có tính chu kỳ thì chi phí sửa chữa lớn những tài sản này được trích trên cơ sở dự toán hoặc theo kế hoạch đã thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý và được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

### **Nguồn vốn chủ sở hữu:**

Ghi nhận và trình bày vốn đầu tư của chủ sở hữu: Công ty ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu khi thực nhận vốn góp.

Ghi nhận cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn hoặc đầu tư.

Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng thành viên hàng năm.

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện:

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là tổng chi phí tài chính không được vốn hoá phát sinh và không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Không bù trừ thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

### **Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái**

Tất cả các nghiệp vụ liên quan đến doanh thu, chi phí được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ được hạch toán như một khoản lãi (lỗ) về tỷ giá.

Tài sản là tiền và công nợ có gốc bằng ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế do Ngân hàng nhà nước công bố tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá được hạch toán vào tài khoản chênh lệch tỷ giá và được xử lý theo các quy định hiện hành.

### **Các nghĩa vụ về thuế:**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN**

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Các khoản thuế và lệ phí khác phải nộp theo quy định hiện hành và sẽ hoàn tất khi có cơ quan thuế và các cơ quan có thẩm quyền thực hiện kiểm tra quyết toán. Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp cũng như các khoản thuế khác sẽ tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền. Các loại thuế, phí và lệ phí khác được tính và nộp theo quy định hiện hành của Nhà nước.

### **Các bên có liên quan**

Các bên có liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con - các cá nhân, trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ hình thức pháp lý.

### **Công cụ tài chính**

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN**

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán****V.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tiền mặt</b>	<b>1.405.488.865</b>	<b>1.356.178.478</b>
Tiền mặt VND	1.405.488.865	1.356.178.478
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>452.494.181</b>	<b>9.138.087.649</b>
Tiền gửi ngân hàng VND	443.131.264	9.128.419.680
Tiền gửi ngân hàng USD	9.362.917	9.667.969
<b>Cộng</b>	<b>1.857.983.046</b>	<b>10.494.266.127</b>

**V.3. Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Hàng không	10.721.865.000	10.923.495.000
Công ty Cơ khí & Kết cấu Thép Sóc Sơn Hà Nội	44.419.036.705	28.319.338.277
Công ty TNHH Lâm Sản WOODMAN (*)	15.624.560.000	16.196.560.000
Cơ sở chế biến Nông Sản	11.682.024.334	2.477.857.423
Chi nhánh Công ty Cổ phần SX&TM Hà lan	18.114.295.046	15.086.360.000
Đối tượng khác	7.626.909.295	11.051.675.663
<b>Cộng</b>	<b>108.188.690.380</b>	<b>84.055.286.363</b>

(\*) Hợp đồng kinh tế số 12/2017/HĐKT ngày 07/01/2017 giữa Công ty và Công ty TNHH Lâm sản Woodman, về việc mua bán gỗ rừng trồng, trị giá hợp đồng 5.681.000.000 đồng (đã bao gồm VAT), thời hạn giao hàng từ ngày 08/01/2017 đến 12/01/2017; thời hạn thanh toán: Trong vòng 45 ngày chuyển trả 4% trị giá hợp đồng, số còn lại 96% thanh toán trong vòng 170 ngày kể từ ngày Công ty chuyển tiền cho Công ty TNHH Hoàng Khánh (Công ty CP TM Lạng Sơn đã chuyển tiền cho Công ty TNHH Hoàng Khánh vào ngày 23/01/2017), nếu chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì phải chịu lãi suất 0,05%/ngày trên tổng số tiền chậm thanh toán, đến thời điểm 31/12/2018 số nợ này đã quá hạn thanh toán.

(\*) Hợp đồng kinh tế số 11/2017/HĐKT ngày 02/01/2017 giữa Công ty và Công ty TNHH Lâm sản Woodman về việc mua bán gỗ rừng trồng, trị giá hợp đồng 5.468.255.000 đồng (đã bao gồm VAT), thời hạn giao hàng từ ngày 08/01/2017 đến 12/01/2017; thời hạn thanh toán: Trong vòng 45 ngày chuyển trả 4% trị giá hợp đồng, số còn lại 96% thanh toán trong vòng 170 ngày kể từ ngày Công ty chuyển tiền cho Công ty TNHH Hoàng Khánh (Công ty đã chuyển tiền cho Công ty TNHH Hoàng Khánh vào ngày 20/01/2017), nếu chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì phải chịu lãi suất 0,05%/ngày trên tổng số tiền chậm thanh toán, đến thời điểm 31/12/2018 số nợ này đã quá hạn thanh toán.

(\*) Hợp đồng kinh tế số 13/2017/HĐKT ngày 12/01/2017 giữa Công ty và Công ty TNHH Lâm sản Woodman về việc mua bán gỗ rừng trồng; trị giá hợp đồng 5.297.305.000 đồng (đã bao gồm VAT), thời hạn giao hàng từ ngày 13/01/2017 đến 19/01/2017; thời hạn thanh toán: Trong vòng 45 ngày chuyển trả 4% trị giá hợp đồng, số còn lại 96% thanh toán trong vòng 170 ngày kể từ ngày Công ty chuyển tiền cho Công ty TNHH Hoàng Khánh (Công ty đã chuyển tiền cho Công ty TNHH Hoàng Khánh vào ngày 08/02/2017), nếu chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì phải chịu lãi suất 0,05%/ngày trên tổng số tiền chậm thanh toán, đến thời điểm 31/12/2018 số nợ này đã quá hạn thanh toán.

**V.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Quỳnh Minh	-	8.293.740.057
Công ty Cổ phần Tập đoàn Minh Tâm	-	10.537.848
Trung tâm phát triển quỹ đất Hà nội	100.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tân Minh	89.266.061	89.266.061
Đối tượng khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>189.266.061</b>	<b>8.393.543.966</b>

**V.4. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tạm ứng</b>	<b>-</b>	<b>73.080.000</b>
Bé Minh Vũ	-	13.080.000
Nông Việt Cường	-	60.000.000
<b>Cầm cố, Ký quỹ</b>	<b>300.834.504</b>	<b>288.789.572</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN**

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

<b>Phải thu khác</b>	<b>5.897.929.207</b>	<b>2.729.999.148</b>
Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng	50.000.000	-
Công ty Luật TNHH Phúc Trường An	50.000.000	-
Hoàng Thị Bích Hằng	-	160.010.087
BHXH, BHYT, BHTN	30.640.744	32.429.992
Lãi phải thu khó đòi, trong đó:	5.755.615.068	2.488.604.621
Công ty TNHH Lâm Sản WOODMAN	4.267.134.955	1.385.717.255
Công ty Cổ phần Cơ khí và Kết cấu Thép Sóc Sơn	1.488.480.113	1.102.887.366
Phải thu khác	11.673.395	48.954.448
<b>Cộng</b>	<b>6.198.763.711</b>	<b>3.091.868.720</b>

**V.5. Nợ xấu (Phụ lục 05 trang 28)****V.6. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Hàng mua đi đường</b>	-	-	<b>4.899.840.000</b>	-
- Ngô hạt	-	-	4.899.840.000	-
<b>Nguyên vật liệu</b>	<b>1.632.761.530</b>	-	<b>1.646.564.801</b>	-
- Rượu	1.632.761.530	-	1.646.564.801	-
<b>Thành Phẩm</b>	<b>470.832.656</b>	-	<b>535.180.107</b>	-
- Rượu	470.832.656	-	535.180.107	-
<b>Hàng hóa</b>	<b>21.971.745.609</b>	-	<b>18.718.673.833</b>	-
- Gạo	5.264.700.000	-	-	-
- Mũ tổ hợp SX Pin R3	88.029.900	-	88.029.900	-
- Đĩa đánh bóng	98.620.000	-	98.620.000	-
- Trục Cán	184.875.000	-	184.875.000	-
- Máy bơm, máy hàn	1.559.985.524	-	-	-
- Ống dẫn thấu khí	-	-	899.448.005	-
- Gạch cao Nhôm	-	-	107.960.491	-
- Xi măng	-	-	143.654.035	-
- Thép	819.156.145	-	577.136.211	-
- Đá xây dựng	-	-	54.503.636	-
- Gạch đặc	250.000.000	-	88.560.000	-
- Nội thất văn phòng	-	-	638.995.790	-
- Chăn ga gối đệm	3.956.340.670	-	3.429.228.039	-
- Phụ kiện hệ thống nước	1.928.708.728	-	1.980.981.700	-
- Hàng điện dân dụng	2.994.920.149	-	1.691.674.051	-
- Xăng dầu	697.480.247	-	1.652.024.327	-
- Dầu máy	-	-	74.982.435	-
- Máy Nông nghiệp	1.566.706.381	-	1.434.488.655	-
- Hàng hóa khác	2.562.222.865	-	5.573.511.558	-
<b>Cộng</b>	<b>24.075.339.795</b>	-	<b>25.800.258.741</b>	-

**V.7. Thuế và các khoản phải thu nhà nước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	239.277.071	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	376.799.629	557.840.593
<b>Cộng</b>	<b>616.076.700</b>	<b>557.840.593</b>

**V.08. Tài sản cố định hữu hình (Phụ lục số 01 trang 23)****V.09. Tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VNĐ

Nội dung	Quyền sử dụng đất	TSCĐ VH khác	Cộng
Nguyên giá			

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN**

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

<b>Số dư đầu năm</b>	<b>2.457.948.500</b>	<b>200.000.000</b>	<b>2.657.948.500</b>
Số tăng trong năm	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.457.948.500</b>	<b>200.000.000</b>	<b>2.657.948.500</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>57.608.168</b>	<b>120.000.000</b>	<b>177.608.168</b>
Số tăng trong năm	230.432.672	10.000.000	240.432.672
- Khấu hao trong năm	230.432.672	10.000.000	240.432.672
Số giảm trong năm	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>288.040.840</b>	<b>130.000.000</b>	<b>418.040.840</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>2.400.340.332</b>	<b>80.000.000</b>	<b>2.480.340.332</b>
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>2.169.907.660</b>	<b>120.000.000</b>	<b>2.239.907.660</b>

**V.10. Tài sản dở dang dài hạn**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	154.545.455	-
Tổ hợp dịch vụ thương mại Lạng Sơn	154.545.455	-
<b>Cộng</b>	<b>154.545.455</b>	<b>-</b>

**V.11. Đầu tư vào công ty liên kết**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
Liên doanh hàng miễn thuế	-	-	773.463.928	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>773.463.928</b>	<b>-</b>

Theo hợp đồng liên doanh ngày 12/06/1998 giữa Công ty và Công ty EDF (Vietnam) Limited về việc hợp tác thành lập "Công ty Liên doanh hàng miễn thuế Lạng Sơn"; thời hạn liên doanh là 20 năm kể từ ngày cấp giấy phép của Bộ KH và ĐT; tỷ lệ góp vốn: phía Công ty góp 40%, EDF góp 60%. Giấy phép đầu tư số 2078/GP của Bộ KH và ĐT ngày 28/11/1998 quyết định cho phép Công ty và Công ty EDF (Vietnam) Limited thành lập "Công ty liên doanh hàng miễn thuế Lạng Sơn"; Thời hạn cấp phép là 15 năm. Giấy chứng nhận đầu tư số 141022000093 thay đổi lần thứ 01 ngày 07/11/2013 của Công ty Liên doanh hàng miễn thuế Lạng Sơn; Vốn điều lệ là 326.000 USD (bên VN góp 132.000 USD, chiếm 40%; bên nước ngoài góp 194.000 USD, chiếm 60%); Thời gian hoạt động của dự án là 15 năm (2013 - 2028) kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần 01.

**V.12. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Chi phí cơ sở hạ tầng	913.763.200	961.856.000
Chi phí đăng ký tài sản trên đất	312.923.076	325.961.538
Giá trị còn lại của Công cụ dụng cụ	498.641.103	477.631.801
<b>Số còn phải phân bổ cuối năm</b>	<b>1.725.327.379</b>	<b>1.765.449.339</b>

**V.13. Tài sản dài hạn khác**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Ký cược ký quỹ dài hạn (*)	800.000.000	500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>800.000.000</b>	<b>500.000.000</b>

(\*) Là khoản ký cược ký quỹ du lịch tại Vietinbank - Chi nhánh Lạng Sơn cho hoạt động kinh doanh lữ hành du lịch theo quy định của nhà nước về hoạt động kinh doanh Lữ hành Quốc tế số tiền 500 triệu đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN**

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

(\*) Hợp đồng tiền gửi kỳ quỹ số 01/2018/704681/HDKQ-BIDV giữa Công ty Cổ phần Thương mại Lạng Sơn và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn về việc mở tài khoản kỳ quỹ theo yêu cầu của Ngân hàng nhà nước đối với doanh nghiệp hoạt động giới thiệu việc làm, số tiền kỳ quỹ là 300 triệu đồng, kỳ hạn 12 tháng lãi suất 6,5%/năm thời gian phong tỏa từ ngày 09/01/2018.

**V.14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty HH MD XNK Uy Thăng Ninh Minh TQ	-	-	2.334.020.570	2.334.020.570
Công ty Cổ phần Thành Lê	-	-	978.215.077	978.215.077
Công ty TNHH ĐT & PT Nông nghiệp VIMAG	-	-	4.899.840.000	4.899.840.000
Công ty TNHH Lương thực Hoàng Liên Sơn	5.264.700.000	5.264.700.000	-	-
Xuất Nhập khẩu An Hòa	11.456.766.043	11.456.766.043	-	-
Xuất nhập khẩu Hải Thịnh	-	-	989.892.805	989.892.805
Trịnh Tuyết Minh	752.247.662	752.247.662	811.312.440	811.312.440
Dương Kim Dân	694.145.139	694.145.139	-	-
Công ty TNHH TM vận tải Hà Sơn	1.716.706.460	1.716.706.460	-	-
Công ty CP XD DK Quảng Ninh	-	-	1.658.941.554	1.658.941.554
Công ty CP TMDV Tân Minh	887.356.287	887.356.287	311.586.900	311.586.900
Đối tượng khác	2.920.686.936	2.920.686.936	4.187.509.639	4.187.509.639
<b>Cộng</b>	<b>23.692.608.527</b>	<b>23.692.608.527</b>	<b>16.171.318.985</b>	<b>16.171.318.985</b>

**V.15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Hoàng Hải Anh	-	-	130.595.547	130.595.547
Nguyễn Khai Chí	-	-	2.500.000.000	2.500.000.000
Đối tượng khác	43.250.000	43.250.000	1.220.000	1.220.000
<b>Cộng</b>	<b>43.250.000</b>	<b>43.250.000</b>	<b>2.631.815.547</b>	<b>2.631.815.547</b>

**V.16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	331.756.808	2.614.778.932	2.470.242.751	476.292.989
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	152.606.991	152.606.991	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	103.282.692	103.282.692	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	48.019.345	48.019.345	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	469.888.855	(230.611.784)	239.277.071	-
Thuế thu nhập cá nhân	4.442.733	64.266.143	65.933.723	2.775.153
Tiền thuê đất	12.836.015	1.172.431.622	1.153.953.304	31.314.333
Thuế môn bài	-	10.000.000	10.000.000	-
Các loại thuế phi khác	-	10.276.739	10.276.739	-
<b>Cộng</b>	<b>818.924.411</b>	<b>3.945.050.680</b>	<b>4.253.592.616</b>	<b>510.382.475</b>

**V.17. Chi phí phải trả**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	275.728.004	215.551.328
<b>Cộng</b>	<b>275.728.004</b>	<b>215.551.328</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN**

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**V.18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu cho thuê quầy, cửa hàng	429.818.181	673.921.818
<b>Cộng</b>	<b>429.818.181</b>	<b>673.921.818</b>

**V.19. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	-	-
<b>Phải trả khác</b>	<b>6.580.604.203</b>	<b>1.180.549.985</b>
Dương Kim Dân	929.228.039	-
Nguyễn Thị Thanh Vân	740.756.248	-
Nguyễn Văn Anh	1.120.445.221	-
Nguyễn Thị Hào	934.488.655	-
Chi nhánh Hà Nội	526.316.000	316.316.000
Chi phí xử phạt về thuế GTGT	373.080.000	373.080.000
Phải trả khác	1.956.290.040	491.153.985
<b>Vay không lãi suất</b>	<b>6.554.875.979</b>	<b>6.610.656.614</b>
Đào Văn Mạnh - CN TP (*)	2.000.000.000	2.000.000.000
Hoàng Hải Anh (***)	3.700.089.061	3.700.089.061
Nguyễn Thị Thanh Nga (***)	276.550.000	-
Nguyễn Đức Ngọc (***)	225.464.718	165.983.558
Uông Đình Thọ (***)	35.162.820	35.162.820
Bé Minh Vũ (***)	105.677.234	118.752.300
Ma Thị Xuyên (***)	211.932.146	190.668.875
Phạm Văn Mừng	-	400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>13.135.480.182</b>	<b>7.791.206.599</b>

(\*) Theo Biên bản thỏa thuận ngày 10/03/2011 giữa Chi nhánh Thành Phố Công ty và Ông Đào Văn Mạnh về việc góp vốn kinh doanh xí nghiệp rượu Thiên Sơn, thời hạn thanh toán trong vòng 10 năm, không tính lãi suất và không có hợp đồng do dùng cho khoản huy động vốn vay này.

(\*\*\*) Theo hợp đồng vay số 03 ngày 28/09/2015 với Ông Hoàng Hải Anh, không có tài sản thế chấp, lãi suất 0% thời hạn vay từ 01/10/2015 đến 31/12/2016. Số tiền vay: 3.369.703.295 đồng, mục đích vay là thanh toán tiền mua hàng và các chi phí liên quan đến việc mua bán hàng hóa của Công ty.

(\*\*\*) Theo hợp đồng vay số 01 ngày 28/09/2018 với Bà Nguyễn Thị Thanh Nga, không có tài sản thế chấp, lãi suất 0% thời hạn vay từ 01/10/2018 đến 31/12/2018. Số tiền vay: 276.550.000 đồng, mục đích vay là thanh toán tiền mua hàng và các chi phí liên quan đến việc mua bán hàng hóa của Công ty.

(\*\*\*) Theo hợp đồng vay số 01 ngày 28/09/2015 với Ông Nguyễn Đức Ngọc, không có tài sản thế chấp, lãi suất 0% thời hạn vay từ 01/10/2015 đến 31/12/2016. Số tiền vay 13.080.130.323 đồng, mục đích vay là thanh toán tiền mua hàng và các chi phí liên quan đến việc mua bán hàng hóa của Công ty.

(\*\*\*) Theo hợp đồng vay số 02 ngày 28/09/2015 với Bà Ma Thị Xuyên, không có tài sản thế chấp, lãi suất 0% thời hạn vay từ 01/10/2015 đến 31/12/2016. Số tiền vay: 380.498.827 đồng, mục đích vay là thanh toán tiền mua hàng và các chi phí liên quan đến việc mua bán hàng hóa của Công ty.

(\*\*\*) Theo hợp đồng vay số 03 ngày 28/09/2015 với Ông Hoàng Hải Anh, không có tài sản thế chấp, lãi suất 0% thời hạn vay từ 01/10/2015 đến 31/12/2016. Số tiền vay: 3.369.703.295 đồng, mục đích vay là thanh toán tiền mua hàng và các chi phí liên quan đến việc mua bán hàng hóa của Công ty.

(\*\*\*) Theo hợp đồng vay số 05 ngày 28/09/2015 với Ông Bé Minh Vũ, không có tài sản thế chấp, lãi suất 0% thời hạn vay từ 01/10/2015 đến 31/12/2016. Số tiền vay: 109.082.882 đồng, mục đích vay là thanh toán tiền mua hàng và các chi phí liên quan đến việc mua bán hàng hóa của Công ty.

(\*\*\*) Theo hợp đồng vay số 06 ngày 28/09/2015 với Ông Uông Đình Thọ, không có tài sản thế chấp, lãi suất 0% thời hạn vay từ 01/10/2015 đến 31/12/2016. Số tiền vay: 35.162.820 đồng, mục đích vay là thanh toán tiền mua hàng và các chi phí liên quan đến việc mua bán hàng hóa của Công ty.

**V.20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Phụ lục số 02 trang 24 và 25)****V.21. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN**

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu cho thuê quầy, cửa hàng	3.283.393.214	4.175.595.275
<b>Cộng</b>	<b>3.283.393.214</b>	<b>4.175.595.275</b>

**V.22. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Phụ lục số 03 trang 26)****V.23. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Phụ lục 04 trang 27)****b. Chi tiết góp vốn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Vốn góp của các đối tượng</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>15.000.000.000</b>
Ông Đặng Trung Lập	1.008.000.000	1.008.000.000
Ông Lâm Phi Khanh	971.000.000	971.000.000
Ông Lý Xuân Thanh	4.330.000.000	4.330.000.000
Ông Đào Văn Mạnh	935.400.000	935.400.000
Ông Ngô Huy	750.000.000	750.000.000
Ông Lục Văn Đồng	467.000.000	467.000.000
Ông Đinh Văn Thành	1.323.000.000	1.323.000.000
Bà Nguyễn Thu Hương	545.000.000	545.000.000
Bà Ma Thị Xuyên	47.000.000	47.000.000
Đặng Hoàng Tâm	1.250.690.000	1.250.690.000
Bé Văn Táo	761.000.000	761.000.000
Đinh Thị Kim Yên	198.000.000	198.000.000
Vi Thị Vân	510.000.000	510.000.000
Các đối tượng khác	1.903.910.000	1.903.910.000
<b>Cộng</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>15.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn đối với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	15.000.000.000	15.000.000.000
+ Vốn góp đầu năm	15.000.000.000	15.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	15.000.000.000	15.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	900.000.000	900.000.000

**V.24. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****24.1. Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	400,11	228,14
- EUR	-	-

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh****VI.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	415.803.498.740	370.809.366.867
Doanh thu bán hàng khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>415.803.498.740</b>	<b>370.809.366.867</b>

**VI.2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Thuế tiêu thụ đặc biệt	102.859.013	168.413.728
<b>Cộng</b>	<b>102.859.013</b>	<b>168.413.728</b>

**VI.3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
--	---------	-----------

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN**

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	415.700.639.727	370.640.953.139
Doanh thu thuần khác	-	-
	<b>415.700.639.727</b>	<b>370.640.953.139</b>

**VI.4. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán hàng và cung cấp dịch vụ	392.746.964.764	349.364.103.781
Giá vốn khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>392.746.964.764</b>	<b>349.364.103.781</b>

**VI.5. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	38.809.551	61.297.756
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	-
Lãi trả chậm	-	-
Doanh thu tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>38.809.551</b>	<b>61.297.756</b>

**VI.6. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	7.395.311.640	6.808.889.177
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	90.510.549	66.233.045
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	5.294.483
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	187.368.604	-
Chi phí tài chính khác	-	58.852.222
<b>Cộng</b>	<b>7.673.190.793</b>	<b>6.939.268.927</b>

**VI.7. Lợi nhuận khác**

	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>3.413.268.628</b>	<b>2.498.262.783</b>
Lãi phạt phải thu khó đòi trong đó bao gồm:	3.267.010.447	2.488.604.621
<i>Lãi phạt phải thu Công ty TNHH Lâm Sản WoodMan</i>	<i>2.881.417.700</i>	<i>1.385.717.255</i>
<i>Lãi phạt phải thu Công ty CP và kết cấu thép Sóc Sơn</i>	<i>385.592.747</i>	<i>1.102.887.366</i>
Thu nhập hoa hồng	48.090.000	-
Thu nhập khác	98.168.181	9.658.162
<b>Chi phí khác</b>	<b>1.168.880.220</b>	<b>9.716.742</b>
Giá trị còn lại TSCĐ giảm thanh lý	257.030.252	-
Chi phí phạt hành chính thuế	92.304.541	-
Lỗ từ hoạt động đầu tư (*)	773.463.928	-
Chi phí khác	46.081.499	9.716.742
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>2.244.388.408</b>	<b>2.488.546.041</b>

(\*) Là khoản xử lý Chi phí xử lý khoản đầu tư liên doanh căn cứ Biên bản họp hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Lạng Sơn ngày 26/04/2016 về việc không tiếp tục triển khai dự án kinh doanh hàng miễn thuế Lạng Sơn. Và Biên bản bàn giao chuyển nhượng vốn góp Liên Doanh ngày 01/07/2016 giữa ba bên Công ty Cổ phần Thương mại Lạng Sơn và Ông Nguyễn Văn Chung và bên nước ngoài :EDF (Việt Nam) LIMITED).

**VI.8. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
<b>Lợi nhuận trước thuế trong năm (1)</b>	<b>(2.934.129.196)</b>	<b>2.146.668.611</b>
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN (2)=(3)+(4)	138.386.040	49.716.742
Các khoản điều chỉnh tăng (3)	138.386.040	49.716.742
<i>Các khoản xử lý công nợ nhỏ lẻ</i>	<i>46.081.499</i>	-
<i>Các khoản phạt hành chính thuế</i>	<i>92.304.541</i>	<i>49.716.742</i>
Các khoản điều chỉnh giảm (4)	-	-
<b>Tổng thu nhập tính thuế trong năm (4) = (1)+(2)</b>	<b>(2.795.743.156)</b>	<b>2.196.385.353</b>
Thuế suất thuế TNDN (5)	20%	20%

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN**

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Thuế TNDN hiện hành trong năm (6)=(4)*(5)		439.277.071
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (7) = (1) - (6) - (7)</b>	<b>(2.934.129.196)</b>	<b>1.707.391.540</b>

**VI.9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>(2.934.129.196)</b>	<b>1.707.391.540</b>
Các khoản tăng, giảm lợi nhuận	-	-
LN hoặc lỗ PB cho CĐ hiện hữu sở hữu CPPT	(2.934.129.196)	1.707.391.540
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	1.500.000	1.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(1.956)</b>	<b>1.138</b>

**VI.10. Chi phí sản xuất theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	367.840.873.652	451.509.839.497
Chi phí dự phòng	7.811.237.300	1.559.867.590
Chi phí nhân công	6.356.087.170	7.584.068.513
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.023.243.635	1.207.135.404
Thuế, phí, lệ phí	-	4.912.300
Chi phí khác bằng tiền	4.533.383.363	4.969.255.115
<b>Cộng</b>	<b>388.564.825.119</b>	<b>466.835.078.419</b>

**VI.11. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

<b>Giá trị nhận nợ vay không phát sinh qua khoản mục tiền tệ</b>	<b>Số tiền (VNĐ)</b>
Nhận nợ vay thanh toán phải trả khách hàng	331.163.653.552
<b>Số tiền đi vay thực thu trong kỳ</b>	<b>Số tiền (VNĐ)</b>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	325.865.304.032

**VII. Những thông tin khác****1. Thông tin các bên liên quan**

Thu nhập của thành viên Ban Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau  
 Giao dịch với các bên liên quan

	Năm nay	Năm trước
Lương thưởng của thành viên HĐQT và BGD	646.314.633	635.851.203

**Bên liên quan khác**

Công ty TNHH Lâm Sản WOODMAN

**Mối quan hệ**

Bên liên quan của Thành viên HĐQT

**Phải thu của bên liên quan khác**

Công ty TNHH Lâm Sản WOODMAN

	Năm nay	Năm trước
	15.624.560.000	16.196.560.000

**VIII. Thông tin khác**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

**IX Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt

Giám đốc



Đặng Trung Lập

Lạng Sơn, ngày 31 tháng 03 năm 2019

Kế toán trưởng

  
Nông Kim Tiến

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN**

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**Phụ lục 01: Tàng, giám Tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	32.367.159.228	800.298.036	1.238.531.439	35.000.000	34.440.988.703
Số tăng trong năm	208.331.500	-	-	-	208.331.500
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	208.331.500	-	-	-	208.331.500
- Tăng khác	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	547.248.539	-	-	-	547.248.539
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	547.248.539	-	-	-	547.248.539
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>32.028.242.189</b>	<b>800.298.036</b>	<b>1.238.531.439</b>	<b>35.000.000</b>	<b>34.102.071.664</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	8.198.585.731	800.298.036	539.155.970	35.000.000	9.573.039.737
Số tăng trong năm	1.302.217.705	-	92.225.336	-	1.394.443.041
- Khấu hao trong năm	1.302.217.705	-	92.225.336	-	1.394.443.041
- Tăng khác	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	290.218.287	-	-	-	290.218.287
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	290.218.287	-	-	-	290.218.287
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>10.677.264.491</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	24.168.573.497	-	699.375.469	-	24.867.948.966
Tại ngày cuối năm	32.028.242.189	800.298.036	1.238.531.439	35.000.000	23.424.807.173



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN**  
Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**Phụ lục 02: Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>96.670.343.353</b>	<b>96.670.343.353</b>	<b>325.865.304.032</b>	<b>322.963.653.552</b>	<b>93.768.692.873</b>	<b>93.768.692.873</b>	
NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Lạng Sơn (i)	58.502.598.352	58.502.598.352	122.363.335.442	108.092.039.962	44.231.302.872	44.231.302.872	
NH TMCP ĐT và PT Việt Nam - CN Lạng Sơn (ii)	38.167.745.001	38.167.745.001	182.108.481.090	182.857.901.090	38.917.165.001	38.917.165.001	
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Lạng Sơn (iii)	-	-	21.393.487.500	32.013.712.500	10.620.225.000	10.620.225.000	
<b>Vay cá nhân</b>	<b>80.000.000</b>	<b>80.000.000</b>	<b>-</b>	<b>7.800.000.000</b>	<b>7.880.000.000</b>	<b>7.880.000.000</b>	
Dương Kim Dân	-	-	-	2.300.000.000	2.300.000.000	2.300.000.000	
Trịnh Tuyết Minh	-	-	-	2.150.000.000	2.150.000.000	2.150.000.000	
Bé Văn Táo	-	-	-	3.350.000.000	3.350.000.000	3.350.000.000	
Nông Ngọc Thu (1)	80.000.000	80.000.000	-	-	80.000.000	80.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>96.750.343.353</b>	<b>96.750.343.353</b>	<b>325.865.304.032</b>	<b>330.763.653.552</b>	<b>101.648.692.873</b>	<b>101.648.692.873</b>	

(i) Hợp đồng tín dụng số LN31-0111/2016-HĐTDHM/NHCT200-TMLS giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn ngày 01 tháng 11 năm 2016, theo đó Ngân hàng cam kết cho Công ty vay các khoản tiền bằng Đồng Việt Nam, trong thời hạn duy trì hạn mức với tổng mức dư nợ vay theo hợp đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá 70 tỷ, thời hạn duy trì hạn mức là từ ngày 01/11/2016 đến hết ngày 30/09/2017, mục đích sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng, lãi suất cho vay của khoản nợ là lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 7%/năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng.

(ii) Hợp đồng tín dụng số 0712/2017-HĐCVHM/NHCT200-THUONGMAILS giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn ngày 7/12/2017, với hạn mức là 60 tỷ đồng; mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; thời hạn duy trì hạn mức là kể từ ngày 07/12/2017 đến hết ngày 30/11/2018; thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng; lãi suất cho vay là lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh

(iii) Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số LN48/096/2016-H ĐTC/NHCT200-CTCPTMLS/BP195251 ngày 16/06/2016 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn và Công ty Cổ phần Thương mại Lạng Sơn về việc thế chấp tài sản vay cho hợp đồng tín dụng số LN31-0111/2016-HĐTDHM/NHCT200-TMLS ngày 01/11/2016. Tài sản gắn liền với đất quyền sử dụng đất thửa đất số 209, Trần Đăng Ninh, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Giá trị tài sản thế chấp là 2.600.000.000 đồng, các điều khoản quy định tại hợp đồng này.

- (i) Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số LN48/096/2016-H ĐTC/NHCT200-CTCPTMLS/CB091872 ngày 16/06/2016 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn và Công ty Cổ phần Thương mại Lạng Sơn về việc thế chấp tài sản vay cho hợp đồng tín dụng số LN31-0111/2016-HĐTDHM/NHCT200-TMLS ngày 01/11/2016. Tài sản gắn liền với đất quyền sử dụng đất thừa kế số 208, Trần Đăng Ninh, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Giá trị tài sản thế chấp là 6.400.000.000 đồng, các điều khoản quy định tại hợp đồng này.
- (ii) Hợp đồng tín dụng số 01/2017/704681/HĐTD giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn ngày 29/9/2017. Ngân hàng cấp cho Công ty hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 70 tỷ đồng; mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- (ii) Theo hợp Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/1237523/HĐTD ngày 30/06/2017 giữa Công ty với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Lạng Sơn, theo đó ngân hàng cấp hạn mức thường xuyên theo mức dư nợ tối đa với số tiền là 10 tỷ đồng gồm cả Việt Nam, đồng và ngoại tệ quy đổi, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên vay, thời hạn cấp hạn mức, 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này, lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- (ii) Theo hợp Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/704681/HĐTD ngày 7/10/2018 giữa Công ty với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Lạng Sơn, theo đó ngân hàng cấp hạn mức thường xuyên theo mức dư nợ tối đa với số tiền là 60 tỷ đồng gồm cả Việt Nam, đồng và ngoại tệ quy đổi, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên vay, thời hạn cấp hạn mức, 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này, lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- (ii) Phụ lục hợp đồng cầm cố thế chấp số 01/2018/704681/SĐBS ngày 01/03/2018 giữa Công ty với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Lạng Sơn về việc thế chấp tài sản vay cho hợp đồng Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng cầm cố thế chấp số 01/2016/704681/HĐBĐ ngày 08/07/2016 nay Tài sản gắn liền với đất quyền sử dụng đất thừa kế của hàng thương mại trung tâm thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn, diện tích 1.314,81 m<sup>2</sup>
- (1) Hợp đồng vay vốn số 04/HĐTD ngày 30/6/2016 giữa Công ty và Ông Nông Ngọc Thụ số tiền vay: 80.000.000 đồng, lãi suất vay là 0% thời gian vay là từ ngày 30/6/2016 đến 31/12/2016 mục đích vay hoạt động sản xuất kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN**

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**Phụ lục 03: Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>Vay dài hạn ngân hàng</b>							
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Lạng Sơn (*)	2.220.000.000	2.220.000.000	-	400.000.000	2.620.000.000	2.620.000.000	
<b>Vay dài hạn cá nhân</b>							
Huy động vốn các cá nhân KD quây	-	-	-	-	-	-	
<b>Cộng</b>	<b>2.220.000.000</b>	<b>2.220.000.000</b>	<b>-</b>	<b>400.000.000</b>	<b>2.620.000.000</b>	<b>2.620.000.000</b>	

(\*) Hợp đồng tín dụng số 01/2016/704681/HHTD ngày 12 tháng 07 năm 2016 giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Lạng Sơn, theo đó BIDV cấp cho khách hàng hạn mức tín dụng với số tiền là 1.200.000.000 đồng (gồm cả Việt Nam đồng), bảo lãnh hạn mức 36 tháng kể từ ngày ký hợp này, lãi suất cho vay kỳ đầu tiên là 11,5% chế độ lãi suất của BIDV trong từng thời kỳ. Mục đích vay đầu tư văn phòng Chi nhánh Công ty tại Đình Lập và cửa hàng thương mại trung tâm thị trấn Đình Lập.

(\*) Hợp đồng tín dụng số 02/2016/704681/HHTD ngày 16 tháng 12 năm 2016 giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Lạng Sơn, theo đó BIDV cấp cho khách hàng hạn mức tín dụng với số tiền là 3.200.000.000 đồng (gồm cả Việt Nam đồng), hạn mức 60 tháng kể từ ngày ký hợp, lãi suất cho vay kỳ đầu tiên là 11,5%, chế độ lãi suất của BIDV trong từng thời kỳ. Mục đích vay đầu tư văn phòng Chi nhánh Công ty tại Hữu Lũng và cửa hàng thương mại tại Hữu Lũng. Tài sản đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và các tài sản hiện đang thế chấp tại ngân hàng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN**

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp.Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**Phụ lục 04: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của CSH	Nguồn vốn đầu tư XDCB	L.N sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>1. Số dư đầu năm trước</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>4.020.975.494</b>	<b>63.031.500</b>	<b>199.806.194</b>	<b>2.113.985.981</b>	<b>21.397.799.169</b>
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	1.707.391.540	1.707.391.540
- Trích quỹ	-	66.779.047	-	-	-	66.779.047
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(1.033.558.094)	(1.033.558.094)
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	(178.205.151)	(178.205.151)
<b>2. Số dư cuối năm trước</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>4.087.754.541</b>	<b>63.031.500</b>	<b>199.806.194</b>	<b>2.609.614.276</b>	<b>21.960.206.511</b>
<b>3. Số dư đầu năm nay</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>4.087.754.541</b>	<b>63.031.500</b>	<b>199.806.194</b>	<b>2.609.614.276</b>	<b>21.960.206.511</b>
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	(2.934.129.196)	(2.934.129.196)
- Trích quỹ	-	726.652.386	-	-	-	726.652.386
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	(1.716.467.705)	(1.716.467.705)
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>4. Số dư cuối năm nay</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>4.814.406.927</b>	<b>63.031.500</b>	<b>199.806.194</b>	<b>(2.040.982.625)</b>	<b>18.036.261.996</b>

(\*) Phân phối lợi nhuận các quỹ trong kỳ căn cứ vào Nghị quyết ĐHĐCĐ số 17/2018/ĐHĐCĐTN ngày 27/4/2018 bao gồm:

- Quỹ đầu tư phát triển	726.652.386
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	89.815.319
- Chia cổ tức cho các cổ đông	900.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.716.467.705</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI LẠNG SƠN**

Số 209 Trần Đăng Ninh, Tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**Phụ lục 05: Nợ xấu**

Nội dung	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>					
- Từ 3 năm trở lên	3.172.435.500	-	3.173.478.200	-	
+ Công ty CP thép Sông Hồng	3.130.856.500	-	3.130.856.500	-	
+ Hoàng Thị Bích	9.505.000	-	9.505.000	-	
+ Hoàng Văn Thuộc	-	-	1.042.700	-	
+ Nguyễn Thị Lệ Tĩnh	26.485.000	-	26.485.000	-	
+ Hoàng Thị Bích Ngọc	5.589.000	-	5.589.000	-	
- Từ 1 đến 2 năm	15.624.560.000	7.812.280.000	-	-	
+ Công ty TNHH Lâm sản WOODMAN	15.624.560.000	7.812.280.000	-	-	
<b>Cộng</b>	<b>18.796.995.500</b>	<b>7.812.280.000</b>	<b>3.173.478.200</b>	<b>-</b>	